

BÀN CÙNG HÓA TRÍ THỨC VÀ TÂM THƯỜNG HÓA VĂN HÓA - TIẾP CẬN CHỦ ĐỀ NHO LÂM NGOẠI SỬ TỪ HỒI TRUYỆN ÁP CHÓT¹

LÊ THỜI TÂN*

TÓM TẮT

Câu chuyện “tứ khách” hồi 55 tiểu thuyết Nho lâm ngoại sử cho ta thấy tập trung nhất, khả cảm nhất bi kịch của sĩ nhân. Đằng sau dòng trần thuật bình đạm ẩn chứa cả một nỗi ngậm ngùi cho bước mạt lộ của kẻ có chữ. Bài viết này vạch một lối đi riêng trong việc cắt nghĩa trở lại chủ đề hồi truyện, qua đó góp phần nhận chân thực chất tư tưởng của tác giả bộ tiểu thuyết.

Từ khóa: Nho lâm ngoại sử, bi kịch của kẻ sĩ, cắt nghĩa lại chủ đề, tư tưởng tác giả.

ABSTRACT

Impoverishment of intellectuals and mediocrization of culture – An approach to The Scholars’s theme of from penultimate chapter

The story of “the foursome” in Chapter 55 of *The Scholars* reveals the most collective and emotional tragedy of the successors of culture. Behind the neutral narration hides the pity for the desperate situation of the intellectuals. This article presents a new approach to the reinterpretation of the penultimate chapter’s theme and contributes to the understanding of the author’s genuine thinking.

Keywords: *The Scholars*, intellectual’s tragedy, reinterpretation of theme, author’s genuine thinking.

1. Khởi dẫn - “Tự lực cánh sinh” hay là bước giạt rìa xã hội của “người có chữ”

Câu chuyện “tứ khách” hồi 55 *Nho lâm ngoại sử* (儒林外史 Rulin Whaishi)² xưa nay vẫn là một trọng điểm trong nghiên cứu chủ đề tiểu thuyết này. Liên quan mật thiết giữa hình tượng *tứ khách* với chủ đề toàn sách là một điều không thể phủ nhận. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng thông qua hồi truyện, tác giả tiểu thuyết đã vạch con đường đi cho sĩ nhân. Theo họ, Ngô Kính Tử như tuồng đang đề xướng cho tư tưởng “thực nghiệp nuôi mình” (Hán ngữ 治生 “trị sinh”). Nhà văn nhìn thấy lối mòn “học nhi ưu tắc nhiệm” (học để làm quan) là quá chật hẹp và muốn chỉ

cho trí thức sĩ nhân nếu muốn thoát khỏi sự phụ thuộc vào chính quyền (phong kiến) thì ngoài cái sở học để làm quan ấy ra còn phải trang bị cho mình một nghề kiếm sống. Chúng tôi cho rằng cách hiểu chủ đề hồi truyện như thế không tránh khỏi đơn giản và dung tục hóa vấn đề. Từ hồi Ngũ Tứ, Trần Độc Tú (bài 儒林外史新述) đã nhận định chỗ độc đáo trong tư tưởng Ngô Kính Tử so với các văn nhân khác là ở chỗ coi “lao động nghề nghiệp” (nguyên văn “công” – nghề nghiệp) quan trọng hơn “cái học sách vở” (nguyên văn “đọc” – đọc sách) [7]. Trong bối cảnh Ngũ Tứ, đại biểu của phong trào tân văn hóa mượn tiểu thuyết của họ Ngô để phê phán cái học khoa cử sách vở, hô hào lao động kỹ nghệ

* PGS TS, Trường Đại học Giáo dục, ĐHQG Hà Nội; Email: lethoitantvu@gmail.com

thực nghiệp phương Tây là một điều đáng thông cảm. Thế nhưng nâng cao vấn đề tới độ như giáo sư Đào Thành thì e là đã đi quá xa. Đào Thành trong bài “Bàn thêm về giá trị nhận thức của *Nho lâm ngoại sử*” cho rằng có thể so sánh quan niệm tự giác lao động nghề để kiếm sống của bốn nhân vật gọi là *tứ khách* trong hồi 55 tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* với ý thức tìm cách thoát khỏi gánh nặng cơm áo, theo đuổi tự do học thuật của trí thức phương Tây thời cận đại [6 tr.162-171]. Liên hệ này theo chúng tôi quá ư khiên cưỡng.

2. Hồi truyện “bốn người khách” và thực chất tư tưởng của nhà tiểu thuyết

Đôi nhìn trên toàn tác phẩm không khó hình dung thấy Vương Miện đầu sách, Ngu Dục Đức giữa sách và *tứ khách* cuối sách sẽ thuộc về một hệ thống tạm gọi hệ thống nhân vật lí tưởng trong tiểu thuyết này. Chỉ có điều cái gọi là lí tưởng ở đây đã không còn là giấc mộng sĩ nhân lập ngôn, lập công, thánh nhân chí thượng, nhiệm trọng đạo viễn xa vời nữa. Lí tưởng trong điều kiện thực tế của Nho lâm chỉ là một cuộc sống cố giữ sao cho không trái phạm với lương tri văn hóa nói chung, lần hồi qua ngày với tự lực cánh sinh nhưng giữ được chút tự tại tối thiểu (nói cho chu toàn thì đó là cái lẽ “Văn Hạnh xuất xử” (文行出处) mà Vương Miện lo sẽ bị táng tận nếu triều đình thực thi thể chế khoa cử văn bát cổ ở đầu sách³). Cuộc sống tự lực cánh sinh cố giữ chút tự tại cá nhân đó nhiều khi chỉ có thể là một lối lùi trốn. Những kẻ sĩ kiêu đó không thể mà cũng không muốn chen lên đường lớn (cử nghiệp chính đồ) của thời đại nên đành dừng bước ở cuối những lối mòn mòn ngả của cuộc đời (*Nhân sinh Nam Bắc đa kì lộ* - câu đầu bài từ đầu sách). Họ không hiện

đạt giữa trung tâm của xã hội nên buộc phải hoặc chủ động dạt sang bên rìa của thế cuộc. Tất nhiên cái cuộc sống bên lề đó nhuộm đậm ý vị “quân tử cố cùng” đầy nghị lực mà cũng rất rõ màu thê lương. Vương Miện không nhà không con, ăn mình núi vắng không bao lâu lạng lẽ chết đi. Ngô Dục Đức một chức quan nhàn gượng gọi no đủ. Tiền lương một đời gom góp cũng chỉ vì gắng có được hai mẫu ruộng vườn dưỡng già trong lúc sinh kế cho con cái còn chưa tính đến được. Mấy nhà nho *lễ nhạc bình nông* sau cũng bắt đắc chí về vườn rồi bèo dạt mây trôi. Cho đến thời *tứ khách* tình cảnh còn buồn bã hơn. Đằng sau dòng trần thuật bình đàm ẩn chứa cả một nỗi ngậm ngùi cho bước mặt lộ của kẻ có chữ. Hơn bất cứ chỗ nào trong tự sự của Ngô Kính Tử, câu chuyện *tứ khách* hồi 55 cho ta thấy rõ tập trung nhất, khả cảm nhất tính chất bi kịch của những kẻ kể truyền của văn hóa. Thực ra, chỉ cần dựa vào trực cảm thông thường và suy nghĩ một cách cận nhân tình là ta sẽ khó lòng tin được cuộc sống của *tứ khách* được trình bày trong hồi 55 lại có thể trở thành đáp án cho câu hỏi về tiền đồ và lối ra của sĩ nhân. Lý Hà Niên thư pháp bằng những cái bút mà người ta đã vứt đi, ngủ nhờ và “*ăn cơm theo sư trong chùa*”, Vương Thái kiếm sống bằng nghề bán đóm nhóm lò, Cái Khoan nuôi miệng nhờ quán nước nhỏ, Kinh Nguyên độ thân bằng nghề may - Lẽ nào *tứ khách* với cuộc sống lần hồi độ nhật, có kẻ cơ hồ đã gần với ăn mày đó lại có thể là đại biểu lí tưởng cho “phương thức sống” mới của kẻ sĩ?

Khác với hầu hết các hồi khác, *Nho lâm ngoại sử* đến hai hồi cuối cùng liên tục nêu rõ thời gian lịch sử ngay khi mở hồi. Tại những vị trí quan trọng trong văn bản

trần thuật, nhà tự sự đã biểu thị một cách rõ ràng tư thái kết thúc bộ sách chào tạm biệt độc giả (cái tư thế hiển hiện lên nhờ những động tác tự sự nhất định đó ngay lập tức khiến cho độc giả hồi tưởng lại phần mở đầu cuốn sách). Xin lưu ý, tự sự sử truyện công khai tư cách “làm sách” của nhà viết sử ở những vị trí nổi bật trong văn bản trần thuật – đầu sách và cuối sách. Đối với sử truyện, việc đó có thể là một hành động chân thành của tác giả - kẻ đề tên mình vào bìa cuốn sử. Thế nhưng trong tự sự tiểu thuyết, hành động này cần phải được thưởng thức như là một thủ pháp tu từ đặc biệt. Thử lật vài trang đầu và cuối *Hồng lâu mộng* là đủ thấy vấn đề. Hồi 55 *Nho lâm ngoại sử* không giấu diếm dụng ý “cố tình” chọn bốn nhân vật gọi là “*tứ khách*” nhóm kể vào trong một hồi đặng hạ dần tấm màn cho tấn kịch Nho lâm: “*Thêm chuyện tứ khách thuật chuyện đã qua gần ngày mai; Như nước chảy non cao dần một bản gọi là tạm biệt*” (đề mục hồi 55 – *Thêm tứ khách thuật vãng tư lai, Đàn nhất khúc cao sơn lưu thủy*; Bản dịch: *Thêm bốn khách thuật trước nghĩ sau. Đàn một khúc cao sơn lưu thủy*). Với cặp đối ngẫu làm đề mục khá đặc biệt như thế, hồi 55 của cuốn tiểu thuyết đã mở đầu cũng bằng một đoạn tản văn có tính cách tổng kết thời đại. Đoạn tổng kết khái quát đó trong chốc lát đã chú rõ thời gian và bối cảnh lịch sử cho biết bao những người và việc lúc tụ lúc tán trong dòng trần thuật trong suốt 55 hồi truyện của toàn tiểu thuyết. Đoạn trần thuật đặt đầu hồi có tính chất tổng kết chuyện toàn sách này cùng với phần kể chuyện *tứ khách* kể theo của hồi truyện tạo thành một thể đối xứng không gian tự sự. Theo cách nhìn kết cấu tiểu thuyết mà chúng tôi đã có dịp trình bày thì sự đối xứng giữa đoạn trần

thuật mở hồi 55 và phần kể chuyện *tứ khách* ở hồi này chính là đang được quan sát trong khuôn khổ bản thân hồi truyện [1]. Thực ra nhìn trên quy mô toàn sách còn phải thấy đoạn mở hồi này đồng thời lại trở thành đoạn tổng kết cho 54 hồi trước đó, còn phần kể chuyện *tứ khách* thì lại trở thành một “đoạn kể bồi thêm” cho cả chính văn tiểu thuyết trước lúc thực sự cáo biệt độc giả và thế giới nhân vật bằng hồi 56 khép lại tiểu thuyết. Thoại ngữ trần thuật có tính cách nối chuyện giữa đoạn mở hồi 55 và phần còn lại của hồi này chính là câu: “*Đâu biết nơi phố thị lại xuất hiện mấy kì nhân*”:

“*Nói chuyện năm thứ 23 đời Vạn Lịch, danh sĩ thành Nam Kinh chết mỗi chết mòn cho đến hết. Lúc đó, thế hệ đồng thời với tiến sĩ Ngu Dục Đức kể thì già lão, người thì đã chết, cũng không ít người tản mác bốn phương; Cũng có kẻ đóng cửa không bàn chuyện thời thế. Hoa đàn tửu xã không kẻ tuấn tài; Lễ nhạc văn chương hiển nhân không quản. Bàn chuyện xuất xứ chẳng qua đắc ý đậu cao thì được coi là tài giỏi, thất ý hỏng thi thì bị xem là ngu vụng; Luận hào kiệt chẳng qua có của thì dâm xa xỉ, túng thiếu thành ra tiêu điều. Dù anh có tài văn như Lí Bạch, Đỗ Phủ, phẩm hạnh như Nhan Uyên, Tăng Sâm cũng chẳng có một ai hỏi đến. Cho nên quanh bàn tiệc cưới hỏi, tang chay, lễ tế các nhà máu mặt, bọn hương thân bàn tán chẳng có gì ngoài chuyện quan trường thăng giáng, đổi đi, điều về... Đến như bọn nho nhân nghèo túng, thì chẳng qua cũng chỉ nghĩ cách đoán ý chiều lòng quan thầy, viết và làm những thứ lấy lòng bọn quyền thế. Đâu biết nơi phố thị lại xuất hiện mấy kì nhân. Một kẻ chuyện viết chữ họ Lý tên Hà Niên...*” (hồi 55) [10, tr.580; 4, tr.

458]. Hết chuyện Lý Hà Niên không nhà không nghiệp ăn ngủ nhờ nhà chùa độ thân bằng viết chữ (*thư*) là chuyện Vương Thái kiếm sống bằng nghề bán đóm đuốc giỏi đánh cờ (*kì*). Kế theo là chuyện Cái Khoan mở quán nước độ thân, thích đọc sách làm thơ và giỏi vẽ (*họa*). Kết cho đề tài *tứ khách* là chuyện Kinh Nguyên làm nghề cất may, yêu thơ thích thư pháp, lúc rỗi rãi chơi đàn (*cầm*) giữa vườn rau.

Đọc đoạn mở đầu hồi 55 kể chuyện *tứ khách* này, độc giả biết được cảnh tượng xã hội và thời thế đã đi đến chỗ sinh hoạt nghệ thuật và nghệ sĩ chân chính không còn người xứng đáng. Văn hóa tinh thần không còn người quan tâm. Những kẻ có tài có đức thành người thừa. Các chuẩn mực tinh thần truyền thống gọi là lễ xuất xử, tinh thần hào kiệt bị thế chỗ bởi tâm lý cơ hội đầu cơ quyền và tiền. Quyền và tiền trở thành đại đề tài duy nhất của toàn xã hội. Những chữ như “thăng quan” “giáng chức” “điều động” “thuyên chuyển” (nguyên văn “升遷調降 *thăng, thiên, điều, giáng*”) đã trở thành từ khóa (*keywords*) trong vốn ngữ vựng của cuộc đại đàm thoại xã hội. Những chữ đó trở thành đề tài bất tuyệt trong bàn luận chính của thời đại. Tầng lớp đi học xuất thân nghèo hèn phần đầu đi lên nấc thang xã hội mới thì ứng đoán mò mẫm ý tứ bề trên để chạy vạy lấy lòng, tìm bài ứng phó. Tất cả những hoạt động đó đã trở nên phổ biến, diễn ra giữa trung tâm cộng đồng đối lập với bộ phận nhỏ không tham gia vào cuộc đại vận động chung bị đẩy ra mép rìa của cuộc thế, đành lòng biến những thứ vốn là tinh hoa truyền thống văn hóa nghệ thuật cao quý như “cầm kì thư họa” thành thứ mưu sinh lầm than, lam lũ. Bộ phận mà nhà trần thuật gọi

là “*kì nhân*” (không ngại giải thích chữ “*kì*” ở đây theo cách nhìn thế tục là “khác đời”, nói chữ ngày nay là “dở hơi” “hâm”, “mát” hoặc “lập dị”) này chắc không nhiều nhưng cũng đủ để chọn lấy bốn kẻ đại biểu gọi là *tứ khách cầm kì thư họa* (“四客” 琴棋書畫) kể cùng bạn đọc gọi là “*thuật chuyện đã qua nghĩ ngợi việc sau này*” (*thiem tứ khách thuật vãng tư lai* - đề mục hồi truyện). Qua câu chuyện *tứ khách* ta cảm nhận được cái tạm gọi là cuộc “bãi công tinh thần” hoặc nói “tẩy chay văn hóa”, “bất hợp tác” đối với chính quyền của kẻ sĩ. Bốn kẻ sĩ nhân kia hoàn toàn bất hợp tác và không còn dây dưa dính dáng gì với đương quyền, không dựa dẫm hi vọng gì vào chính thống, cam tâm lui sang bên rìa xã hội. Nhà nghiên cứu Chu Nguyệt Lượng diễn đạt khá hay: “*văn hóa đã thoái lui khỏi sân khấu thời đại, trở thành chỉ là thứ tập thờ khi công dưỡng sinh của các cá nhân*” [8, tr.67]. Hình tượng *tứ khách* là hình tượng của những kẻ sĩ tự mình trút cái gánh “nhiệm trọng đạo viễn任重道遠”, lâm than giữa sinh hoạt hạ lưu. Câu chuyện của họ gợi nên cái cái cảm giác tự đọa lạc để bêu xấu chính thống.

Xét từ một góc độ lớn hơn, câu chuyện *tứ khách* dường như còn biểu hiện một cách hàm súc một cái gì đó tựa như là bản năng tự vệ của lương năng văn hóa dân tộc. Một thế chế dù thối nát đến độ nào cũng không thể làm tiêu tan hoàn toàn được văn hóa một dân tộc. Đâu đó trong nhân dân nơi thôn xa xóm vắng hay phố nhỏ ngõ con giữa đời vẫn còn những người “giữ than hồng giữa tro tàn” (chữ trong cặp đối ngẫu kết hồi 54)⁴. Những kẻ đó không xu thời, xem thường công danh phú quý và những thứ gọi là môn môn mới của thời đại, nghề ngỗng thời thượng của một xã hội. Họ có tài năng nghệ thuật, yêu mến và

gần gũi thiên nhiên, linh hội và cảm nhận được cái đẹp của đời sống thông qua lao động, xa lạ với thời thượng và vẻ cao nhã quyền quý cố ý, giữ lấy thiên lương và tự tại tối thiểu bằng cách tự nuôi sống lấy mình và không chung đụng với chính quyền⁵. Một chế độ hư hỏng, chuyên chế và hư nguy đến mức nào cũng không thể làm mai một đi những người con như thế của nhân dân và đất nước. Đó chính là cái mà chúng tôi gọi là bản năng văn hóa của một dân tộc. Đây phải chăng là thâm ý đằng sau mấy chữ “cúi hết lửa truyền” (nguyên văn 薪盡火傳 *tân tận hỏa truyền*) xuất hiện trong cặp câu đối ngẫu kết hồi 54 chuyển ý hồi 55?

Dù sao, ta cũng không được quên rằng *Nho lâm ngoại sử* là một cuốn tiểu thuyết hiện thực chủ nghĩa. Sự miêu tả không chút thi vị cuộc sống vất vả và lam lũ trong đời sống của *tứ khách* khiến độc giả không thể không tự hỏi “vì sao những kẻ có chữ, những con người của cầm kỳ thi họa, đọc sách cầm bút kia lại sống đời như vậy?” Bốn nhân vật gọi là “*tứ khách*” trong hồi 55 của tiểu thuyết dường như bằng cuộc đời của mình muốn nói với nhà nước rằng – xã hội có thể khiến họ bần cùng làm than thậm chí chết đói, nhưng xã hội không cách nào tước đi được sự tôn nghiêm nhân cách cùng chút tự tại nhân sinh tối thiểu của họ một khi họ không còn tham gia vào con đường lớn của thời đại, con đường dùng để nô dịch cả một giai tầng - “học để làm quan”, biến chữ thành quyền để có tiền. Hoặc nói như Kinh Nguyên: “*Tôi cũng chẳng muốn làm người phong nhã, chỉ vì tâm tính gần gũi những thứ đó* (tức chuyện đánh đàn, viết chữ, làm thơ - LTT) *nên thường tập tành chút ít. Còn như chuyện nghề mọn của tôi là ông cha truyền*

lại. Lẽ nào đọc sách biết chữ mà làm nghề may này thì đâm như bản ra? Và lại các bạn trong trường học họ có nhận thức cách khác, làm sao mà chịu giao tiếp với mình? Nay mỗi ngày kiếm được sáu, bảy phân bạc, tới bữa cơm no rồi muốn đánh đàn hay muốn viết chữ thấy đều tùy ở mình. Đã chẳng ham hố giàu có sang trọng lại cũng không luôn cúi quỵ lụy người, cứ kệ trời mặc đất, sống vậy chẳng khoái sao?” (hồi 55) [10, tr.587; 4, tr.471].

Cho dù là về sau triều đình (ủy quyền cho Bộ Lễ) cũng đã tùy tiện và miễn phí (nói cho sang là tôn vinh) liệt tên *tứ khách* vào trong cái bảng truy phong tiến sĩ cập đệ - niềm mơ ước lúc sinh thời của những sĩ nhân như Mã Thuần Thượng, Vương Ngọc Huy, Cừ Công Tôn (kể ở phần đầu tiểu thuyết)... thì ta phải biết rằng những kẻ đã chấp nhận sống đời làm than, lặn lội cơm áo nhưng không thiếu lạc thú văn hóa nghệ thuật, sống bình thực thân nuôi lấy thân như những kẻ sĩ trong hồi 55 này sinh thời đã xem thứ “ân sủng” vinh danh kia như cỏ rác mà thôi.⁶

Như chúng tôi từng có dịp chỉ ra, sự đối đẳng trong kết cấu văn bản trần thuật giữa đoạn mở hồi khái quát bối cảnh xã hội thời đại và phần còn lại của hồi truyện kể chuyện *tứ khách* ở hồi 55 đã gọi lên một đối đẳng không gian hình tượng trên quy mô toàn sách. Các đối đẳng trong kết cấu nghệ thuật đó gợi ý cho một cách hiểu mới về chủ đề tác phẩm. Thế nhưng ở hồi 55 này không chỉ có sự đối đẳng không gian mà còn có sự đối đẳng thời gian. Không khó phát hiện ra việc nhà tự sự tìm cách nhấn mạnh ý thức về thời gian trong trần thuật ở hai hồi cuối cùng bộ tiểu thuyết. Mở đầu của hai hồi đều chỉ rõ mốc thời gian lịch sử (“*Năm thứ 23 đời Vạn Lịch*” -

Hồi 55 và “Năm thứ 43 đời Vạn Lịch” – hồi 56). Một sự đối lập “Xưa-Nay” đã được tô đi lấy lại trong nửa sau hồi 55 (kể chuyện Cái Khoan và Kinh Nguyên). Sự đối đẵng *xưa nay* đó thậm chí đã vượt ra khỏi phạm vi tình tiết nội bộ hồi truyện lan tỏa đến cả phạm vi câu chuyện toàn tiểu thuyết. Nói cách khác “Nay” ở đây chính là quãng thời gian hiện tại của câu chuyện kể trong hồi truyện mà “Xưa” thì chính là chỉ cả một quá khứ ngược về cho đến chuyện đầu sách. Nhà tự sự khéo léo bố trí tình tiết cụ già hàng xóm đến quán nước rủ Cái Khoan đi thăm các di tích chùa đền trong thành. Trò chuyện của hai người trong cuộc dạo chơi đó chốc chốc lại xuất hiện mấy chữ “giờ đây” (而今 *nhi kim*), “ngày xưa” (當年 *đương niên*). Riêng từ “giờ đây” (*nhi kim*) lặp đi lại đến cả hơn chục lần (hồi 55) [10 tr.585-586], hai từ “xưa kia” “năm xưa” (當初 *đương sơ, đương niên*) cũng không ngừng được trùng lặp. Một cảm giác sầu thương cho “ngày nay thời thế khác xưa” (而今時世不同 *nhi kim thời thế bất đồng*), “nay không còn được như xưa” (而今不比當年了 *nhi kim bất tỉ đương niên liễu*) lan tỏa khắp hồi truyện. (Trong *Nho lâm ngoại sử*, đây là lần thứ hai kể từ cuộc chuyện trò giữa Quách Hiếu Tử và Tiêu Vân Tiên (hồi 38) sự lặp lại cặp từ “Xưa/Nay” trong thoại ngữ trần thuật được lấy đi lấy lại với dụng ý đối sánh thời đại, thể hiện ý thời thế ngày một tụt dốc). Sự đối đẵng thời gian đó sẽ bộc phát hoàn toàn năng lượng tự sự soi sáng cho chủ đề toàn sách trong câu hỏi tu từ (rhetorically asked) vang lên cuối hồi – “*Bạn đọc, chẳng lẽ từ nay về sau sẽ không còn một hiền nhân quân tử nào còn có thể vào được cuốn Nho lâm ngoại sử này nữa sao? Có điều vì là họ*

không có mặt trong danh sách tôn vinh của triều đình đợt này nên tôi cũng thôi không nói nữa.” (Bản dịch tiếng Việt dựa theo bản 55 hồi nên không dịch phần tiếp theo này). Ý vị và dư ba của câu hỏi tu từ đó cứ lần quất mãi trong những trang cuối cùng của cuốn tiểu thuyết. Không ngại diễn rộng ý tứ của nó ra như sau:

“Có thể từ nay (tạm tính từ đợt triều đình vinh danh hương hồn các nho nhân bằng lễ truy phong tiến sĩ cấp đệ - xin xem hồi 56) về sau lại có thể còn xuất hiện hiền nhân quân tử (tôi cũng chọn mốc thời gian này để khép lại trang tiểu thuyết. Bạn đọc sẽ hiểu vì sao tôi cố ý dừng câu chuyện ở đây). Nhưng hiện tại - như chỗ người kể chuyện tôi đây biết thì tất cả đã mai một cả rồi. Thế hệ các nho nhân ít nhiều còn chút chí hướng với đời tự tập nơi đây trong khoảng chừng hai mươi năm về trước (Vạn Lịch năm thứ 23) giờ đã mòn mỏi tàn mát hết. Giờ đây không còn gì gọi là sinh hoạt thú vui tinh thần hoa rượu văn chương lễ nhạc gì nữa cả. Phẩm hạnh và lễ xuất xử cũng như quan niệm về thành công ở đời không gì ngoài mấy tiếng “làm quan”. Những người còn chưa đỗ đạt gì thì “hóng hớt” tình hình chạy chọt cấp trên. Tàn mát đây đó nơi thảo dã có thể còn có những người có học, kẻ sĩ chân chính. Vậy mà ngay như chỗ đô thành lớn nơi đây, những kẻ gọi là *cầm kì thư họa*, đọc sách viết chữ thì đã nấu lán ngõ vắng, mưu sinh giữa lầm than trong khi vẫn không ngừng giữ khoảng cách với đám đông “trường lớp” chính đồ. Trong hồi áp chót cuốn tiểu thuyết này, người kể chuyện tôi đây đã tạm điểm chọn ra bốn kẻ gọi theo cách gọi truyền thống văn hóa chung là “cầm kì thư họa” kể ra như là một “bổ sung” cho câu chuyện Nho lâm. Các bạn đôi khi sẽ cảm thấy bốn người khách này

dường như cũng không muốn xem mình là “sĩ” nữa⁷. Và rồi sau cùng thì cả bốn kẻ đó cũng trở thành người của muôn năm cũ. Độc giả cuốn tiểu thuyết có thể tìm thấy họ tên “*tứ khách* cầm kì thư họa” này trong tờ trình danh sách các nho nhân đủ điều kiện để đề đạt xét phong tiến sĩ cập đệ (bốn sĩ nhân này xếp ở hạng “bổ y” – xuất thân áo vải). Tờ trình đó cũng chính là danh sách tế lễ truy phong tiến sĩ. Trong danh sách truy phong tiến sĩ cho mô ma các sĩ nhân này, bốn kẻ này cùng chung “đệ tam giáp tiến sĩ”. Với tư cách là nhà trần thuật, tôi đã “sao lục” ra trong hồi cuối cùng của cuốn sách như là một “phụ lục” hay là “vĩ thanh” nhỏ đặt thực sự kết thúc cho cuốn *Sử Rừng Nho* này⁸. Đến đây cũng chẳng có gì ngoài một bài từ tạm biệt độc giả. Tất cả các nhân vật cuốn sách này – thành công hay thất bại, phong nhã hay dung tục, mê lầm ngu gàn hay khôn ngoan minh triết cuối cùng đều gặp nhau và lưu lại họ tên của mình trong cái bảng vàng danh dự mà triều đình miễn phí ban cho. Câu chuyện trí thức thời đại *viết ra kể cũng đau lòng* (寫入殘編總斷腸 tả nhập tàn thiên tổng đoạn trường – câu sau cùng bài từ kết thúc tiểu thuyết)!”.

3. Tạm kết – “*thuật chuyện Cầm Kỳ Thi Họa ngẫm tương lai*”

Có thể nói, chủ đề của *Nho lâm ngoại sử* được nâng lên một tầm cao đáng nể nhờ vào việc hoàn tất văn bản tiểu thuyết bằng hồi 56 (hồi mà truyền thống vẫn cho là người khác ngụy thác chấp vào). Vậy mà trước lúc được nâng lên tầm cao đó, chủ đề tiểu thuyết đã từng được tô đậm khắc sâu thêm nhờ hồi 55. Khách quan mà nói, tiểu thuyết này có thể không có hồi 56 nhưng thiếu hồi 55 thì bức tranh Rừng Nho không thể nào khép kín được nét họa thần tình của nó. Câu chuyện “*tứ khách*” cầm kì thi họa ở hồi áp chót của tiểu thuyết này vì vậy cần được chú ý một cách đặc biệt hơn nữa so với những gì mà các nhà nghiên cứu *Nho lâm ngoại sử* đã làm trong trường kì nghiên cứu. Bài viết này chỉ là cố gắng vạch một lối đi riêng trong việc cắt nghĩa và lí giải trở lại chủ đề tư tưởng của toàn tiểu thuyết. Cố gắng này nghĩ cho cùng cũng là nhằm một cách “*thuật chuyện đã qua ngẫm tương lai - thuật vãng tư lai*” (“述往思來” chữ trong đề mục hồi truyện) gượng gấn chuyện đọc hiểu tiểu thuyết xưa với chuyện đời sĩ nhân thời đại mà thôi.

¹ *Nho lâm ngoại sử* bản dịch tiếng Việt *Chuyện làng nho*. Tất cả các đoạn dẫn tác phẩm trong bài này đều dẫn dịch lại từ [10] *Nho lâm ngoại sử*, Tân thế giới Xuất bản xã, 2000; Bản này thừa nhận hồi thứ 56. Số trang đối ứng bản dịch tiếng Việt ở đây dẫn theo [3], [1] Phan Võ - Nhữ Thành dịch, *Chuyện làng nho*, Nxb Văn học, 2001. *Chuyện làng nho* dựa theo Nhân dân Văn học Xuất bản xã “kết” ở hồi 55. Chúng tôi ủng hộ quan điểm *Nho lâm ngoại sử* 56 hồi nên gọi hồi 55 là hồi “áp chót”. Việc “thừa nhận” hồi 56 của chúng tôi không dựa trên việc viện dẫn khảo cứu phức tạp mà chỉ đơn thuần căn cứ vào việc xác định logic kết cấu tác phẩm theo quan điểm cá nhân.

² Cụm từ “*tứ khách*” là một khái quát truyền thống do chỗ hồi truyện tập trung trần thuật chuyện của một nhóm bốn nhân vật. Và đó cũng là những chữ xuất hiện trong chính đề mục của hồi truyện – “添四客述往思來, 彈一曲高山流水”.

³ Vương Miện bình luận khi hay tin triều đình định chế độ khoa cử bát cô: *Phép thi này không hay rồi! Tương lai kẻ sĩ chỉ có mỗi đường vinh thân này, những là văn hóa, phẩm hạnh, lễ xuất xứ đều bị coi khinh*” (hồi 1) [10, tr.15; 3, tr.46].

⁴ Nguyên văn cặp câu đối kết hồi 54: “風流云散賢豪才色總成空; 薪盡火傳工匠市廛都有韻 Phong lưu vân tán, hiền hào tài sắc tổng thành không; Tân tận hỏa truyền, công tợng thị triền đô hữu vận” - Phong lưu mây tán, hiền hào tài sắc hóa thành không, Cùi hết lửa truyền, Nơi phố chợ thợ thuyền nhiều kẻ lịch [4, tr.458].

⁵ Chúng tôi cho Đào Tiềm là đại biểu vĩ đại nhất của sĩ nhân hạng này. Xem [2] Lê Thời Tân, “Đọc Lâm ngữ đường nghĩ lại Đào Uyên Minh”, *Tạp chí Khoa học (Khoa học xã hội & Nhân văn)*, Đại học Quốc gia Hà Nội, tập 28, số 3, 2012, tr.80-89; hoặc Lê Thời Tân, “Ăn tại triều” không hiểu người “quy khứ”, <http://nhavantphcm.com.vn>

⁶ Chuyện kể ở hồi 56. *Nho lâm ngoại sử* bản Ngọa nhân thảo đường tổng cộng 56 hồi. Người đầu tiên phủ nhận hồi 56 – hồi mà tục gọi là *U Bang* 幽榜 (hồi này xoay quanh chuyện Bộ Lễ lập một bảng “Tiến sĩ cập đệ” 進士及第 truy phong tiến sĩ siêu độ cho các u hồn nho nhân sĩ tử) có tính cách như là một *vĩ thanh*, trong lúc hồi mở đầu quen được gọi là *tiết tử* có tính cách là hồi giáo đầu) là Kim Hòa (金和). Trong *Bạt* cho *Nho lâm ngoại sử* đề ngày 15 tháng Giêng năm thứ 8 đời Đồng Trị (1869) Kim viết: “Sách này nguyên bản chỉ 55 hồi, kết ở việc thuật chuyện *tử khách* cầm kì thư họa (xem hồi 55 - LTT), liền đó là bài từ. Không biết người nào, từ lúc nào lại cuồng chấp vào một hồi *U Bang*...”. Đương thời có người đồng ý với thuyết của Kim mà cũng có người phản bác. Điều lạ là ngay năm đó (1869), như ta thấy, bản in chữ rời (có lẽ là một trong những bản in chữ rời sớm nhất tiểu thuyết này) của Quán Ngọc Trai trong khi chọn in lời tựa của Nhân Trai lão nhân (vốn là tựa trong bản Ngọa nhân thảo đường 56 hồi “*儒林外史臥閒草堂評本*” 閑齋老人序) lên đầu sách lại in cả lời bạt của Kim Hòa – người chủ trương 55 hồi (《*儒林外史*》群玉齋本) ở cuối sách. Chúng tôi trước sau giữ quan điểm khẳng định *Nho lâm ngoại sử* 56 hồi. Quan điểm của chúng tôi là, tạm thời gác hẳn sang một bên vấn đề khảo cứu văn bản học, chỉ xuất phát từ logic nội tại của tác phẩm (*inner logic*), nhất quán một lập trường nghiên cứu tổng thể các phương diện tác phẩm từ thể loại, kết cấu, chủ đề-tư tưởng để khẳng định bản 56 hồi. Logic nghiên cứu của chúng tôi dẫn đến kết luận hồi 56 đúng là một phần tất yếu của cấu trúc tác phẩm, nó chính là hồi kết của *Nho lâm ngoại sử*. Hi vọng sẽ có dịp giới thiệu cùng độc giả bản dịch hồi 56 của tiểu thuyết này.

⁷ Dư Anh Thời (Ying-shih Yu) từng khái quát hiện tượng mà ông gọi là “xóa mình” (nguyên văn 自我取消 *tự ngã thủ tiêu*) của trí thức Trung Quốc [9].

⁸ Các “văn bản sao lục hành chính” này xuất hiện trong hồi 56 神宗帝下詔旌賢劉尚書奉旨承祭. Tạm lược dịch một đoạn từ văn bản sao lục gọi là “Tờ trình của Bộ Lễ”:

“Bộ Lễ thông tư đến các tỉnh, đốc phủ thông báo các ti đạo, ti đạo báo tận các phủ, châu, huyện. Suu tầm trong một năm, đốc phủ gom báo lên bộ. Các quan đại học sỹ nghị bàn rồi trình lên:

Bộ Lễ trình chuyện thực hiện chiếu chỉ ngày 27 tháng Năm năm thứ 43 đời Vạn Lịch. Hà Nam đạo giám sát ngự sử Đan Dương Ngôn tâu trình một bản về việc xin tôn vinh nhân tài bị trầm luân mai một nhằm hỗ trợ cho nền thánh trị và làm rạng rỡ cõi hoàng tuyến cùng việc phụng nhận thánh chỉ (sao kèm nguyên văn) ngày mồng 1 tháng Sáu. Chúng thần đã tra biên được thơ văn, mộ chí, hành trạng cùng sự thực về các nho nhân đã mất. Cộng cả thấy gồm 92 người. Trong đó:

Đã thuộc sổ quan lại mà chưa vào Hàn Lâm Viện có Chu Tiến, Phạm Tiến, Hương Đình, Cù Thần Am, Lô Ký, Trương Sư Lục, Thang Phụng, Đỗ Sánh, Lý Bản Anh, Đông Anh, Phùng Dao, Vưu Phù Lai, Ngưu Du Đức, Dương Doãn, Dư Đặc cả thấy 15 người. (... ND lược...)

Hạng áo vải có: Trần Lễ, Ngưu Bồ Y, Quyền Vật Dụng, Cảnh Bản Huệ, Triệu Hạo, Chi Ngạc, Kim Đông Nhai, Ngưu Phổ, Ngưu Dao, Bão Văn Khanh, Nghệ Đình Châu, Tông Cơ, Quách Thiết Bút, Kim Ngưu Lưu, Tân Đông Chi, Hồng Ham Tiên, Lô Hoa Sỹ, Lâu Hoán Văn, Quý Diễm Dật, Quách Lục, Tiêu Khiết, Phương Minh Kỳ, Lý Hà Niên, Cái Khoan, Vương Thái, Đinh Thi, Kinh Nguyên tổng cộng 27 người. (... ND lược và gạch chân họ tên các nhân vật “tử khách”).

Chúng thần chịu mệnh tra kiểm kỹ bọn như Chu Tiến, thấy tuy chúng lấm kiếu tạp nham, phẩm cách ưu khuyết lẫn lộn thế nhưng rõ ràng có thể xếp riêng loại. Nay đã cẩn thận biên chép văn chương và sự thực sinh thời, lập riêng hồ sơ cho từng người, lại soạn thêm một bản tóm lược. Kính trình ngự lãm. Cúi mong hoàng thượng khâm điểm danh vị để chúng thần kim bảng treo cao. Long ân thánh thượng quyết, chúng thần không dám tùy tiện. Thơ văn, mộ chí, hành trạng cùng là sự thực điều tra chép ra tàng lưu tại Bộ Lễ”.

Sau khi “tờ trình danh sách các nho nhân đề nghị truy phong tiến sĩ” được Bộ Lễ đệ lên, triều đình tổ chức tế lễ các hương hồn nho nhân ở Quốc Tử Giám và hoàng đế đã ân chuẩn “*Bảng Vàng Truy Phong Tiến Sĩ*”. Xem trần thuật việc này ở hồi 56:

“Sáng mùng 1 tháng Bảy treo bảng trước cổng Bộ Lễ. Bảng đề:
Lễ Bộ thực hiện thượng dụ, thông báo bảng tiến sĩ này.

Đệ nhất giáp:

Đệ nhất danh – Ngu Dục Đức, người huyện Thường Thục (Nam Kinh)

Đệ nhị danh – Trang Thượng Chí, người huyện Thượng Nguyên (Nam Kinh)

Đệ tam danh – Đỗ Nghi, người huyện Thiên Trường (Nam Kinh)

Đệ nhị giáp:

(... ND lược ...)

Đệ tam giáp:

Xếp thứ nhất – Thẩm Quỳnh Chi, người phủ Thường Châu (Nam Kinh)

Xếp thứ nhì – Vĩ Xiển, người phủ Trừ Châu (Nam Kinh)

(...ND lược ...)

Xếp thứ mười bốn – Cái Khoan, người huyện Giang Ninh (Nam Kinh)

Xếp thứ mười lăm – Kinh Nguyên, người huyện Giang Ninh (Nam Kinh)

(...ND lược ...)

Xếp thứ mười tám – Gia Cát Hưu, người huyện Vu Di (Nam Kinh)

Xếp thứ mười chín – Lý Hà Niên, người huyện Thượng Nguyên (Nam Kinh)

(...ND lược ...)

Xếp thứ hai ba – Vương Thái, người huyện Thượng Nguyên (Nam Kinh)”.

Như đã thấy, “tứ khách” nói đến trong hồi kết tiểu thuyết rất cuộc cùng được ân chuẩn truy phong tiến sĩ nhóm cuối - *đệ tam giáp*. Tác giả *Nho lâm ngoại sử* nếu vui lòng “tục biên” cho cuốn “*Ngoại sử*” này chắc sẽ trần thuật cho ta biết thêm chuyện hậu duệ của các nho nhân được truy phong tiến sĩ này đi rước “vong hồn” của họ “vinh quy bái tổ” như thế nào! Trần thuật đó chắc chắn là một cách tán dương cho chủ diêm văn hóa “hiền tài nguyên khí quốc gia”!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thời Tân (2006), “Nguyên tắc đối đẳng trong kết cấu *Nho lâm ngoại sử*”, *Tạp chí Văn học Nước ngoài* (Hội Nhà văn Việt Nam), số 2.
2. Lê Thời Tân (2012), “Độc Lâm Ngữ Đường nghĩ lại Đào Uyên Minh”, *Tạp chí Khoa học* (*Khoa học xã hội & Nhân văn*), Đại học Quốc gia Hà Nội, tập 28, số 3.
3. Ngô Kính Tử, *Chuyện Làng Nho*, Tập 1, Phan Võ - Nhữ Thành dịch, Nxb Văn học, 2001.
4. Ngô Kính Tử, *Chuyện làng nho*, Tập 2, Phan Võ - Nhữ Thành dịch, Nxb Văn học, 2001.
5. 黎时宾 《儒林外史》新论 (博士论文-导师陈洪教授) 南开大学, 5 - 2004.
6. 陶诚 《儒林外史》认识价值补论 《明清小说研究》1995 年第二期.
7. 林文光选编 《陈独秀文选》四川文艺出版社 2009.
8. 周月亮 “ 誤解與反諷: 略論 《儒林外史》 所揭示的文化與現狀的矛盾 ” 《清華大學學報》第三期 1996.
9. 余英时 《士与中国文化》上海人民出版社 2003.
10. 吴敬梓 《儒林外史》新世界出版社 2000.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 07-7-2015; ngày phản biện đánh giá: 20-7-2015;
ngày chấp nhận đăng: 21-5-2016)